

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13/9/2025

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quân

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Việt Long

Ông Phạm Xuân Sang.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:** Bà Phạm Thị Diễm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11- Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 39/2025/HNGĐ-TLST ngày 18 tháng 7 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/8/2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị G**, sinh ngày 25/11/1984.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: thôn N, xã T, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là thôn N, xã T, thành phố Hải Phòng).

Hiện ở: Nhật Bản.

Số CCCD: 03018402.... do Bộ công an cấp ngày 16/05/2025.

Người được chị G uỷ quyền giao nhận văn bản tố tụng: Chị **Vũ Thị C**, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường L, thành phố Hải Phòng.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Đình T**, sinh ngày 14/01/1983.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: thôn N, xã T, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là thôn N, xã T, thành phố Hải Phòng).

Hiện ở: Đài Loan. Số CCCD: 03009300.....

Số hộ chiếu: C568...., do Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 19/7/2018.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh ngày 15/7/1954; Địa chỉ: Thôn N, xã T, thành phố Hải Phòng.

(Chị G, anh T, bà N đều có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - Nguyên đơn chị Vũ Thị G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là xã T, thành phố Hải Phòng) ngày 02/3/2004. Sau ngày cưới vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc một thời gian dài. Để phát triển kinh tế, năm 2019 anh T đi Đài Loan lao động, chị ở nhà chăm sóc các con, thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường, đến cuối năm 2019 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng sống xa nhau, hai bên thiếu niềm tin dẫn đến tình cảm bị rạn nứt. Năm 2022 chị sang Nhật Bản lao động, vợ chồng ít liên lạc, dẫn đến mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng mặc dù đã được gia đình hai bên hoà giải, nhưng cả hai không tìm được tiếng nói chung. Nay chị G xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về quan hệ con chung: Chị và anh Nguyễn Đình T có 2 con chung là cháu Nguyễn Đình T, sinh ngày 21/9/2005 và cháu Nguyễn Đình Bảo K, sinh ngày 08/12/2011. Hiện nay cháu T đã trưởng thành, cháu phát triển khoẻ mạnh, ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết, cháu K đang sinh sống cùng bà nội, ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con. Về cấp dưỡng tiền nuôi con, chị và anh T tự thoả thuận. Trong thời gian chị ở nước ngoài, chị uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ anh T chăm sóc cháu cháu K, chị sẽ có trách nhiệm gửi tiền về để bà N chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Nguyễn Đình T tự thoả thuận, ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị tự nguyện chịu cả án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Anh Nguyễn Đình T hiện đang lao động tại Đài Loan, do chị G không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài nên Tòa án đã xác minh địa chỉ của anh T thông qua gia đình. Bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ anh T xác định, năm 2018 anh T sang Đài Loan lao động, từ khi đi anh T chưa về Việt Nam lần nào, địa chỉ hiện tại ở nước ngoài của anh T thì bà không biết, nhưng anh T vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Mâu thuẫn giữa anh T và chị G xảy ra đã lâu, vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Bà N đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh T biết. Thông qua gia đình anh T có quan điểm đồng ý ly hôn với chị G. Về con chung anh T xác định vợ chồng có 2 con chung là Nguyễn Đình Tú, sinh ngày 21/9/2005 và cháu Nguyễn Đình Bảo K, sinh ngày 08/12/2011. Hiện cháu Tú đã trưởng thành, ly hôn không đề nghị

Toà án giải quyết, nếu chị G có nguyện vọng được nuôi cháu K anh cũng nhất trí, về cấp dưỡng tiền nuôi con các bên tự thỏa thuận. Về tài sản chung, nợ chung không có, không đề nghị Toà án giải quyết. Do điều kiện công việc anh chưa thể về Việt Nam, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị N nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh T, bà đồng ý nhận ủy quyền của chị G chăm sóc cháu K trong thời gian chị G không có mặt ở Việt Nam. Về cấp dưỡng tiền nuôi cháu K, giữa bà và chị G có thỏa thuận hàng tháng chị G gửi 2.000.000đồng cho bà.

- Cháu Nguyễn Đình Bảo K là con chung của chị G, anh T có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn, trong thời gian mẹ ở nước ngoài cháu có nguyện vọng được sống cùng bà nội.

- Biên bản xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện anh T, chị G là công dân có đăng ký thường trú tại thôn N, xã T. Hiện tại cả hai đang lao động ở nước ngoài, không có mặt tại Việt Nam. Trong cuộc sống anh T, chị G có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, hai bên không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng sống ly thân trong thời gian dài. Nay chị G có đơn ly hôn, đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người được chị G ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng, chị Vũ Thị Chang có quan điểm đồng ý nhận ủy quyền của chị G, sau khi nhận các văn bản tố tụng chị đã thông tin cho chị G biết. Chị G vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn giữa chị G và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị G được ly hôn anh T. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Đình Bảo K, sinh ngày 08/12/2011 cho chị Vũ Thị G chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian chị G không ở Việt Nam, tạm giao cháu K cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng tiền nuôi con các bên tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị G phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vũ Thị G và anh Nguyễn Đình T đều có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại: Thôn N, xã T, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là xã Tân Kỳ, thành phố Hải Phòng). Hiện nay chị G đang lao động tại Nhật Bản, anh T đang lao động tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng.

[1.1] Tài liệu chị G nộp tại Tòa án gồm đơn ly hôn, giấy ủy quyền được chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Tân Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là xã Tân Kỳ, thành phố Hải Phòng). Bản tự khai được xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản, nên có cơ sở xác định đó là ý chí, nguyện vọng của chị G.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị G không cung cấp được địa chỉ của anh T tại Đài Loan. Theo quy định tại Điều 10 Nghị Quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh T cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Qua xác minh tại gia đình anh T được biết, anh T thường xuyên liên lạc với mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị N. Bà N đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh T biết. Thông qua gia đình anh T cũng đã có quan điểm về việc ly hôn và nuôi con. Chị G ủy quyền cho bà Nguyễn Thị N chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đình Bảo K trong thời gian chị không ở Việt Nam. Do vậy Tòa án xác định bà N là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[1.3] Chị G, anh T, bà N đều có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Vũ Thị G và anh Nguyễn Đình T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là xã Tân Kỳ, thành phố Hải Phòng) ngày 02/3/2004 là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, hai bên không tìm được tiếng nói chung. Chị G, anh T đều đi nước ngoài lao động nhưng mỗi người sống một nơi. Do vợ chồng có thời gian dài sống xa nhau nên mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng, qua xác minh tại gia đình và địa phương đều thể hiện giữa anh T và chị G có

xảy ra mâu thuẫn. Nay chị G có đơn xin ly hôn, thông qua gia đình anh T cũng có quan điểm đồng ý ly hôn. Vì vậy có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị G và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G.

[2.2] *Về quan hệ con chung*: Chị Vũ Thị G và anh Nguyễn Đình T có hai con chung là Nguyễn Đình Tú, sinh ngày 21/9/2005 và cháu Nguyễn Đình Bảo K, sinh ngày 08/12/2011. Hiện cháu Tú đã trưởng thành, phát triển khoẻ mạnh, ly hôn chị G, anh T không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Cháu K đang sinh sống cùng bà nội, ly hôn chị G có nguyện vọng được nuôi con, cháu K có nguyện vọng ở với mẹ, thông qua gia đình anh T cũng có quan điểm đồng ý. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của cháu K, cũng như nguyện vọng của các đương sự, cần giao cháu K cho chị G chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian chị G không ở Việt Nam, tạm giao cháu K cho bà Nguyễn Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng tiền nuôi con, các bên tự thoả thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.1] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Vũ Thị G và anh Nguyễn Đình T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Vũ Thị G phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 275, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị G được ly hôn anh Nguyễn Đình T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Đình Bảo K, sinh ngày 08/12/2011 cho chị Vũ Thị G chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị G về việc không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian chị G không ở Việt Nam, tạm giao cháu Nguyễn Đình Bảo K cho bà Nguyễn Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Đình T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị G phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0001845 ngày 18 tháng 7 năm 2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hải Phòng. Chị G đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị G và anh Nguyễn Đình T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Bà Nguyễn Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 11 – Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự Tp. Hải Phòng.
(Phòng THADS khu vực 11-Hải Phòng)
- UBND xã T, TP Hải Phòng.
(để ghi vào sổ hộ tịch)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu VP;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Văn Quân